

02/03/23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 03/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B,
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận FSSC 22000 : 38161412002, ngày cấp : 25/01/2021, nơi cấp : I ntertek Certification Limited.

Thông tin về sản phẩm :

1. Tên sản phẩm : **SNACK PARTY MIX**

2. Thành phần : Đậu phộng 15%, bột mì, bột sắn, bột gạo, bột nếp, bột bắp, tinh bột biến tính, dầu cò, đường, muối i-ốt, mạch nha, chất điều vị (E621), chất tạo xốp (E500(ii)), bột mực, bột tôm, gia vị tôm 3%, gia vị tôm cay 3%, gia vị mực nướng 3%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm :

- 06 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng gói/ túi.
- 09 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng lon.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

- Đậu phộng được đóng gói trong màng PET/MPET/PE/LLD, OPP/PE hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói đậu được đóng gói trong túi PE, PP hoặc thùng giấy.
- Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 8g, 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 20g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 31g, 32g, 33g, 34g, 35g, 36g, 37g, 38g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 82g, 83g, 85g, 90g, 92g, 95g, 100g, 105g, 110g, 115g, 120g, 125g, 130g, 135g, 140g, 145g, 150g, 160g, 200g, 250g, 400g, 500g, 700g, 1kg và theo yêu cầu của khách hàng.
- Các túi đậu được đóng vào thùng carton 3 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.



- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-028) 37653284–37653285–37653286 Fax: (84-028) 37653258-54283458

II. Mẫu nhãn sản phẩm : đính kèm nhãn sản phẩm.

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :

- Quyết Định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 Quy Định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho ngũ cốc, lúa mì và gia vị
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).



Giám Đốc
Phạm Xuân Dũng

JOJO

Snack Party Mix



PEANUT CRACKER
PRAWN CRACKER
CUTTIEFISH CRACKER



8 936006 341293

Product of Vietnam

MSDEX date:
MSDEX date:

Caution: Don't consume after the expiration.

Ingredients:
Rumex 1.5%, wheat flour, tapioca starch, rice flour,
glutinous rice flour, corn starch, modified starch,
plant oil, sugar, salt, glucose syrup, monosodium
glutamate (E621), baking powder (E500ii),
cudweed powder, shrimp powder, shrimp
seasoning 3%, spicy shrimp seasoning 3%, cuttlefish
seasoning 3%.

JOJO
Party Mix

CUTTIEFISH CRACKER
PRAWN CRACKER

Website: www.pham-asset.com

Email: jojo@pham-asset.com

Phone: (028) 37053296 - 37053298 - 37053294

Address: 18, Kien An Street, Binh Hung

Pham - Asset Joint Venture Company - Asset

Shareholder: Viet Nam

Noting for using this product after the

expiry date.

Before using, please check the

expiry date.

Noting for using this product after the

expiry date.

Before using, please check the

expiry date.

KT3-00102ATP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

17/01/2023

Page 01/04

1. Tên mẫu : SNACK PARTY MIX
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Sample description
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 06/01/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 09/01/2023 - 17/01/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM - ASSET
Customer
Lô D4/1 Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page* 02 - 04/04
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 64 Nguyễn Đình Chiểu, Dist. 1, HCMC, Vietnam 64 Nguyễn Đình Chiểu, Dist. 1, HCMC, Vietnam

KT3-00102ATP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng / Calories • kcal / 100 g • kJ / 100 g	QTTN/KT3 024 : 2018	-	-	514 2151
7.2. Hàm lượng béo, Fat content	g/100 g QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)	-	-	26,5 732
7.3. Hàm lượng natri, Sodium content	mg/100 g QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-	-	60,2
7.4. Hàm lượng carbohydrate, Carbohydrate content	g/100 g QTTN/KT3 317:2022	-	-	8,63
7.5. Hàm lượng protein, Protein content	g/100 g QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method	-	-	1,98
7.6. Độ ẩm, Moisture content	g/100 g QTTN/KT3 136 : 2016	-	-	Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$	-	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$	-	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), Deoxynivalenol content	µg/kg QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MSMS)	20	0,75	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng aflatoxin B1, Aflatoxin B1 content	µg/kg TCVN 7596 : 2007	-	0,75	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 + G1 + G2), Total aflatoxin content	µg/kg TCVN 7596 : 2007	-	0,75	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng ochratoxin A, Ochratoxin A content	µg/kg QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	-	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng zearalenon, Zearalenon content	µg/kg QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	15	-	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Phiếu này không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

KT3-00102ATP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



17/01/2023
Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.14. Hàm lượng fumonisin (B1 + B2), µg/kg <i>Fumonisin (B1 + B2) content</i>	QTTN/KT3 161 : 2017		75	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.15. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g <i>Total aerobic plate count</i>	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		3,9 x 10 ²
7.16. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than 0</i>
7.17. <i>E. Coli</i> , MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-		Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.18. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937 : 2004	-		Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.19. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	-		Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.20. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2019 (975.55)	-		Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.21. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g <i>Total yeasts & moulds</i>	ISO 21527-2:2008	-		Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.



KT3-00102ATP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT17/01/2023
Page 04/04

8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)
Nutrition Facts (as client's requirement)
US-FDA 21CFR Part 101

Nutrition Facts		
1 servings per container		
Serving size		100 g
Amount per serving		
Calories		510
		% Daily Value*
Total Fat	26 g	33 %
Sodium	730 mg	32 %
Total Carbohydrate	60 g	22 %
Protein	9 g	
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.		

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.